


TRUNG TÂM Y TẾ HOÀNG MAI



**QUY ĐỊNH
HỘI CHẨN CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG VÀ ĐÁNH
GIÁ TRÌNH TRẠNG BỆNH NHÂN NỘI TRÚ
TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HOÀNG MAI**

QĐ.KHTH.31

Người viết	Người kiểm tra	Người phê duyệt
CN. Vũ Thị Phương Quỳnh Phòng KHTH	BS. Trần Thị Hương Phòng KHTH	BS. Lê Đăng Luận Phó Giám đốc
		

	<p>QUY ĐỊNH HỘI CHẨN CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG BỆNH NHÂN NỘI TRÚ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HOÀNG MAI</p>	<p>Mã số: QĐ.KHTH.31 Ngày ban hành: 31/7/2023 Lần ban hành: 02 Lần sửa đổi: 0</p>
---	---	---

1. Người có liên quan phải nghiên cứu và thực hiện đúng các nội dung của quy định này.
2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực thi hành như sự chỉ đạo của Giám đốc Trung tâm.
3. Mỗi khoa, phòng lưu ít nhất 01 bản (có đóng dấu trung tâm). Cán bộ viên chức, người lao động khi có nhu cầu tham khảo tài liệu cập nhật trên hệ thống quản lý văn bản điều hành hoặc trên trang web trung tâm.

NƠI NHẬN (ghi rõ nơi nhận rồi đánh dấu ✓ vào ô bên cạnh)

<input checked="" type="checkbox"/>	Ban Giám đốc	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Nội - Nhi - YHCT	<input checked="" type="checkbox"/>	K. ATTP - dinh dưỡng - Y tế công cộng.
<input checked="" type="checkbox"/>	P. Tổ chức hành chính	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Ngoại - Sản - 3CK	<input checked="" type="checkbox"/>	Tổ Quản lý chất lượng
<input checked="" type="checkbox"/>	P. Kế hoạch tổng hợp	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Khám bệnh	<input checked="" type="checkbox"/>	Tổ dinh dưỡng
<input checked="" type="checkbox"/>	P. Tài chính kế toán	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Dược	<input checked="" type="checkbox"/>	Tổ Kiểm soát nhiễm khuẩn
<input checked="" type="checkbox"/>	P. Điều dưỡng	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Cận lâm sàng	<input checked="" type="checkbox"/>	
<input checked="" type="checkbox"/>	P. Dân số	<input checked="" type="checkbox"/>	K. Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS	<input checked="" type="checkbox"/>	

THEO DÕI TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI (tình trạng sửa đổi so với bản trước đó)

Trang	Hạng mục sửa đổi	Tóm tắt nội dung hạng mục sửa đổi

QUY ĐỊNH

Hội chẩn chế độ dinh dưỡng và đánh giá tình trạng BN nội trú

PHẦN I. QUY ĐỊNH VỀ HỘI CHẨN CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG

I. Phạm vi áp dụng

- Áp dụng cho tất cả các bệnh nhân nặng, những bệnh nhân cần hỗ trợ về dinh dưỡng đang nằm điều trị tại Trung tâm.

- Các cán bộ làm công tác chuyên môn tại các khoa lâm sàng có trách nhiệm báo cáo với khoa dinh dưỡng khi có bệnh nhân cần hội chẩn về chế độ dinh dưỡng.

II. Hồ sơ hội chẩn

- Sổ “Biên bản hội chẩn” của khoa
- Tờ “Biên bản hội chẩn” dính vào HSBA
- Sổ mời hội chẩn

III. Chỉ định hội chẩn

- Bệnh nhân hôn mê
- Bệnh nhân chăm sóc cấp 1
- Bệnh nhân có hỗ trợ hô hấp, đặt nội khí quản
- Bệnh lý gây khó nuốt, hoặc không nuốt được
- Chấn thương, hoặc dị tật bẩm sinh vùng hầu họng
- Bệnh nhân trước hoặc sau phẫu thuật cần hội chẩn dinh dưỡng
- Bệnh nhân cần chế độ ăn tiết chế đặc biệt: đái tháo đường, tăng huyết áp, thiếu máu $Hb < 70g/l$, $BMI < 18.5$, suy thận, suy tim, lao.
- Bác sĩ điều trị xem xét, đề nghị thấy cần thiết có sự hỗ trợ về chuyên môn dinh dưỡng cho bệnh nhân.

III. Quy trình hội chẩn dinh dưỡng

- **Bước 1:** Các khoa lâm sàng có bệnh nhân cần hội chẩn dinh dưỡng có sổ báo mời, hoặc mời qua điện thoại (tên, tuổi bệnh nhân, khoa, phòng, chẩn đoán hiện tại, lý do hội chẩn).

- **Bước 2:** Tổ dinh dưỡng khi nhận được thông tin sẽ ghi vào sổ hội chẩn: tư liệu về thông tin bệnh nhân, khoa mời hội chẩn.

- **Bước 3:** Cán bộ khoa dinh dưỡng sẽ đến tại các khoa lâm sàng:

- + Đánh giá tình trạng bệnh nhân
- + Đề ra chế độ dinh dưỡng phù hợp

- **Bước 4:** Khoa lâm sàng có trách nhiệm đánh giá sự dung nạp của bệnh nhân trong các bữa ăn và phản hồi lại cho khoa dinh dưỡng.

- Lưu ý: Khi người bệnh có tình trạng chuyển biến khác trong quá trình điều trị thì có thể hội chẩn lại. Một bệnh nhân có thể được tiến hành hội chẩn nhiều lần trong mỗi đợt điều trị.

Phần II. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG BỆNH NHÂN NỘI TRÚ

I. Hướng dẫn đánh giá:

- *Đối tượng:* tất cả bệnh nhân nội trú đều cần được sàng lọc và đánh giá tình trạng dinh dưỡng để có kế hoạch can thiệp dinh dưỡng kịp thời
- *Thời gian đánh giá:* trong 36 giờ đầu sau nhập viện
- *Người thực hiện:* Bác sĩ khám bệnh
- *Mời hội chẩn dinh dưỡng:* do bác sĩ điều trị quyết định trong từng trường hợp cụ thể

II. Phiếu sàng lọc và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân

- 1. Phiếu đánh giá sàng lọc tình trạng dinh dưỡng đối với bệnh nhân > 18 tuổi, không mang thai**

TRUNG TÂM Y TẾ HOÀNG MAI **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG**
(Dùng cho người bệnh > 18 tuổi, không mang thai)
 Khoa.....Phòng.....

- Họ và tên người bệnh: Tuổi: Nam/Nữ
- Chẩn đoán:
- Cân nặng vào viện: kg, Chiều cao:cm, Chỉ số khối cơ thể (BMI):
- Cân nặng ra viện: kg,

1. Sàng lọc nguy cơ suy dinh dưỡng

Yếu tố nguy cơ	Không	Có
BMI < 20.5 kg/m ²	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Sụt cân trong 01 tháng qua	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Lượng ăn sụt giảm trong tuần qua	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Bệnh nặng hạn chế đi lại	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Kết luận: nguy cơ suy dinh dưỡng (Khi có > 01 yếu tố nguy cơ)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Chỉ định (Nếu chọn mục b thì chuyển xuống làm phần 2)	a. Tái sàng lọc sau 01 tuần	b. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng

2. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng

Chỉ số khối cơ thể (BMI)	> 20.5 kg/m ² 18.5 – 20.4 kg/m ² < 18.5 kg/m ²	<input type="checkbox"/> 0 điểm <input type="checkbox"/> 1 điểm <input type="checkbox"/> 2 điểm
Sụt cân	Không sụt cân 5% 9.9% trong 01 tháng qua > 10% trong 01 tháng qua	<input type="checkbox"/> 0 điểm <input type="checkbox"/> 1 điểm <input type="checkbox"/> 2 điểm
Lượng ăn	Không giảm hoặc giảm nhẹ Giảm > 50% trong tuần qua Giảm > 75% trong tuần qua	<input type="checkbox"/> 0 điểm <input type="checkbox"/> 1 điểm <input type="checkbox"/> 2 điểm
Bệnh lý	Bệnh nhẹ - trung bình Bệnh nặng (<i>đại phẫu, TBMMN, nhiễm trùng nặng, ung thư, ...</i>) Bệnh rất nặng (<i>chấn thương nặng, chăm sóc tích cực ...</i>)	<input type="checkbox"/> 0 điểm <input type="checkbox"/> 1 điểm <input type="checkbox"/> 2 điểm
Kết luận	< 2 điểm ≥ 2 điểm	<input type="checkbox"/> Bình thường <input type="checkbox"/> Suy dinh dưỡng

3. Kế hoạch can thiệp

Chỉ định chế độ ăn	Mã số:	
Đường nuôi ăn	Đường miệng	<input type="checkbox"/>
	Ống thông	<input type="checkbox"/>
	Tĩnh mạch	<input type="checkbox"/>
Mời hội chẩn dinh dưỡng	Có Không	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
Tái đánh giá	Sau 7 ngày (ở người bệnh không suy dinh dưỡng)	<input type="checkbox"/>
	3 ngày (ở người bệnh suy dinh dưỡng)	<input type="checkbox"/>

Ngày tháng năm
BÁC SĨ KHÁM BỆNH

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG

1. Đối tượng đánh giá: tất cả người bệnh nội trú đều cần được sàng lọc và đánh giá tình trạng dinh dưỡng để có kế hoạch can thiệp dinh dưỡng phù hợp.

2. Thời gian thực hiện: trong vòng 36 giờ sau nhập viện

3. Cán bộ thực hiện: Bác sỹ điều trị

4. Thời gian tái đánh giá: ở người bệnh không có suy dinh dưỡng, tái đánh giá sau mỗi tuần. Ở người bệnh suy dinh dưỡng, tái đánh giá sau mỗi 3 ngày.

5. Mời hội chẩn dinh dưỡng: do bác sỹ điều trị quyết định, tùy theo từng trường hợp cụ thể

6. Ở bệnh nhân đại phẫu: phải có kế hoạch can thiệp dinh dưỡng tiền phẫu

7. Một số lưu ý trong phần sàng lọc: Nếu người bệnh không rõ sứt cân thì hỏi xem người bệnh có dấu hiệu khác như mặc quần áo rộng hơn, mang nhẫn rộng hơn...

8. Một số lưu ý trong phần đánh giá:

- Tỷ lệ sứt cân = (cân nặng thường có - cân nặng hiện tại) x 100 / cân nặng thường có

- Lượng thức ăn: Ước lượng qua hỏi bệnh sử.

9. Các dấu hiệu tăng nguy cơ suy dinh dưỡng trên lâm sàng

- Người bệnh cao tuổi (>70 tuổi)

- Albumin huyết thanh (<35g/L)

- Số lượng tế bào Lympho <1500/mm³

- Rối loạn chức năng nuốt (khó nhai, khó nuốt, nuốt sặc...)

2. Phiếu sàng lọc dinh dưỡng dành cho nhi khoa

TRUNG TÂM Y TẾ HOÀNG MAI

PHIẾU SÀNG LỌC DINH DƯỠNG

Khoa.....Phòng.....

(Dành cho trẻ em theo PNST)

Họ và tên..... Tuổi.....Giới: Nam/Nữ

Chẩn đoán:

Cân nặng.....kg

Chiều cao.....m

BMI:.....kg/m²

1. Sàng lọc

2. Trẻ có bị sụt cân không chủ ý gần đây không	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3. Trẻ có bị tăng cân kém vài tháng trở lại đây không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
4. Trẻ có bị kém ăn vài tháng gần đây không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
5. Trẻ có bị thấp cân hay không?	<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

2. Đánh giá:

Kết luận	Tình trạng dinh dưỡng	Đánh giá (đánh vào tình trạng dinh dưỡng phù hợp)
Nếu “có” < 2 lần	Dinh dưỡng bình thường	<input type="checkbox"/>
Nếu “có” ≥ 2 lần	Có nguy cơ suy dinh dưỡng cần tư vấn của cán bộ dinh dưỡng	<input type="checkbox"/>

3. Kế hoạch can thiệp

Chế độ ăn	Mã số	
Chỉ định can thiệp	Đường miệng	<input type="checkbox"/>
	ống thông	<input type="checkbox"/>
	tĩnh mạch	<input type="checkbox"/>
Hội chẩn dinh dưỡng	Không	<input type="checkbox"/>
	Có	<input type="checkbox"/>

Ngày.....tháng.....năm 20

Người thực hiện

Tham khảo công cụ sàng lọc dinh dưỡng nhi khoa PNST(Paediatric Nutrition Screening Tool)

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG

Đối tượng đánh giá: Tất cả trẻ em nằm viện đều cần được đánh giá tình trạng dinh dưỡng để có kế hoạch can thiệp dinh dưỡng phù hợp.

Thời gian thực hiện: Trong vòng 48h sau nhập viện

Cán bộ thực hiện: Bác sĩ điều trị

Thời gian tái đánh giá: sau 1 tuần.

Mời hội chẩn dinh dưỡng: Bác sĩ điều trị quyết định tùy theo trường hợp cụ thể.

Lưu ý:

BMI: cân nặng theo chiều cao: cân nặng tính bằng đơn vị kg, chiều cao tính bằng cm, đối với trẻ < 2 tuổi chiều cao đo bằng chiều dài nằm của trẻ. (tra theo biểu đồ z- core của tổ chức y tế Thế Giới năm 2006 ở trẻ bình thường hoặc biểu đồ Fenton ở trẻ sinh non tháng).

$$BMI = \text{cân nặng (kg)} / (\text{chiều cao})^2(\text{m})$$

Các dấu hiệu tăng nguy cơ suy dinh dưỡng:

- Phù
- Bệnh nặng: đại phẫu, nhiễm trùng nặng, chấn thương nặng, ung thư...

Bảng tra chỉ số BMI

Tuổi (năm)	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Trai	15.0	14.5	14.0	13.5	13.5	13.5	13.5	13.5	13.5
Gái	15.0	14.0	13.5	13.5	13.0	13.0	13.0	13.0	13.0

Tuổi (năm)	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Trai	14.0	14.0	14.5	15.0	15.5	16.0	16.5	17.0	17.0
Gái	13.5	14.0	14.5	15.0	15.5	16.0	16.5	17.0	17.0

3. Phiếu sàng lọc dinh dưỡng dành cho phụ nữ có thai

TRUNG TÂM Y TẾ HOÀNG MAI
KHOAPHÒNG.....

PHIẾU SÀNG LỌC DINH DƯỠNG
(Dùng cho phụ nữ mang thai)

Họ và tên:.....Tuổi:.....

Chẩn đoán:.....

Cân nặng trước mang thai:.....kg Chiều cao:.....m

BMI trước mang thai:.....kg/m² Cân nặng hiện tại:kg

1. Sàng lọc dinh dưỡng (Lưu ý: các trường hợp khác với chỉ số nêu dưới được cho 0 điểm)

Sàng lọc	Điểm
Ăn ≤ 2 bữa một ngày.	3
Ăn ≤ 3 lần rau xanh và quả chín trong một ngày.	2
Uống ≤ 1 cốc sữa hoặc sữa chua một ngày.	2
Tăng cân >500 gram hoặc < 250 gram bình quân một tuần từ khi có thai.	2
Thấy mệt mỏi/ốm nhiều hoặc sút cân trong thời gian mang thai.	2
Khoảng cách giữa hai lần mang thai < 2 năm.	3
Mắc bệnh tiểu đường hoặc tiểu đường thai kỳ trong lần mang thai trước	3
Hiện mắc chứng biếng ăn hoặc mắc chứng biếng ăn trong lần mang thai trước	3
Luôn luôn thiếu ăn hoặc thiếu tiền mua thực phẩm	3
Tổng số điểm	

2. Đánh giá

Tổng điểm	Tình trạng dinh dưỡng	Đánh giá (Đánh dấu vào tình trạng dinh dưỡng phù hợp)
0-2	Dinh dưỡng bình thường	
3-5	Nguy cơ suy dinh dưỡng vừa, cần tư vấn của cán bộ dinh dưỡng	
≥6	Nguy cơ suy dinh dưỡng cao, cần tư vấn của cán bộ dinh dưỡng	

3. Kế hoạch can thiệp

Chế độ ăn	Mã số	
Chỉ định can thiệp	Đường miệng	[]
	Ống thông	[]
	Tĩnh mạch	[]
Hội chẩn dinh dưỡng	Không	[]
	Có	[]

Ngày.... tháng.....năm 20

Người thực hiện

Tham khảo công cụ sàng lọc dinh dưỡng Bệnh viện Glens Falls

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG

Đối tượng đánh giá: Tất cả phụ nữ mang thai nằm viện đều cần được đánh giá tình trạng dinh dưỡng để có kế hoạch can thiệp dinh dưỡng phù hợp.

Thời gian thực hiện: Trong vòng 48h sau nhập viện

Cán bộ thực hiện: Bác sĩ điều trị

Thời gian tái đánh giá: sau 1 tuần.

Mời hội chẩn dinh dưỡng: Bác sĩ điều trị quyết định tùy theo trường hợp cụ thể.

Mức tăng cân trong thai kỳ (đối với tình trạng dinh dưỡng tốt BMI 18.5-24.9): mức tăng cân nên đạt là 10- 12kg. Cụ thể:

- 3 tháng đầu: 1 kg
- 3 tháng giữa: 4- 5 kg
- 3 tháng cuối: 5-6 kg